TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2023/DS-PT
Ngày: 13-9-2023
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2023/TLPT-DS, ngày 02/8/2023, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST, ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện EK, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2023/QĐ-PT, ngày 08/8/2023 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Vương Thị N và ông Nguyễn Văn P; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 11, xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; bà N có mặt, ông P vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Hải D; địa chỉ: Khối 2B, thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

** Bị đơn:* Bà Phạm Thị Nh; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 11, xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Hữu Q, sinh năm 1973; Nơi ĐKHKTT: Thôn 11, xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 2, xã EĐ, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

* *Người kháng cáo*: Ông Lê Hữu Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Hải D trình bày:***

Vào ngày 19/5/2022, bà Phạm Thị Nh có vay của vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Vương Thị N số tiền 200.000.000 đồng với mục đích để nhận chuyển nhượng đất. Khi vay hai bên thoả thuận lãi suất là 3%/tháng và hẹn đến ngày 02/6/2022, bà Nh sẽ trả cho bà N và ông P số tiền gốc, tiền lãi trên theo thoả thuận, ngoài ra khi vay bà Nh có giao cho bà N, ông P 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô biển kiểm soát 47C-027.XX để làm tin. Đến ngày 15/02/2023, bà N đã trả cho ông Lê Hữu Q giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô biển kiểm soát 47C-027.XX này.

Mặc dù người trực tiếp ký vào giấy vay tiền ngày 19/5/2022 là bà Nh nhưng việc bà Nh vay tiền của ông P, bà N thì ông Lê Hữu Q là chồng của bà Nh có biết, số tiền bà Nh vay về sử dụng cho gia đình bà Nh và ông Q. Ngoài ra trong quá trình hoà giải đối thoại tại Toà án, tại biên bản ghi nhận kết thúc việc hoà giải ngày 11/11/2022 ông Q có xác nhận: Vào ngày 19/5/2022 bà Nh (là vợ của ông Q) có vay của bà N, ông P 200.000.000 đồng và ông Q đồng ý cùng bà Nh trả cho ông P, bà N.

Nay quá hạn trả nợ đã lâu, mặc dù ông P, bà N đã đòi nhiều lần nhưng bà Nh, ông Q không trả được cho bà N, ông P được khoản tiền gốc và lãi nào. Vì vậy, ông P, bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà Phạm Thị Nh, ông Lê Hữu Q phải trả cho ông Nguyễn Văn P, bà Vương Thị N số tiền nợ 238.954.666 đồng, trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất là 1,66%/tháng tạm tính từ ngày 20/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/5/2023 là 38.954.666 đồng.

**** Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Toà án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu Q trình bày:***

Vào ngày 19/5/2022, bà Phạm Thị Nh có vay của vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Vương Thị N và ông số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay hai bên thoả thuận lãi suất là 3%/tháng và hẹn đến ngày 02/6/2022 bà Nh sẽ trả cho bà N và ông P số tiền gốc, tiền lãi trên theo thoả thuận, ngoài ra khi vay bà Nh có giao cho bà N, ông P 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô biển kiểm soát 47C-027.XX nhưng ông Q không biết. Tuy nhiên, số tiền này bà Nh vay về để sử dụng vào việc buôn bán trong gia đình, phục vụ cuộc sống cho vợ chồng ông Q và các con. Đến nay, bà Nh và ông Q chưa trả được cho bà N, ông P được khoản tiền gốc và lãi nào.

Vì vậy, ông P, bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà Phạm Thị Nh, ông Lê Hữu Q phải trả cho ông Nguyễn Văn P, bà Vương Thị N số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất là 1,66%/tháng tạm tính từ ngày 20/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm thì ông Q đồng ý cùng bà Nh trả số tiền gốc và lãi này cho bà N và ông P. Đến ngày 15/02/2023, bà N đã trả cho ông Lê Hữu Q giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô biển kiểm soát 47C-027.71 này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST, ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện EK, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Phạm Thị Nh và ông Lê Hữu Q phải trả cho bà Vương Thị N và ông Nguyễn Văn P số tiền nợ là 238.954.666, trong đó tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 38.954.666 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu Q với nội dung: Ông Q không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn bà Vương Thị N và ông Nguyễn Văn P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu Q giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng đơn kháng cáo của ông Lê Hữu Q là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu Q. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST, ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng

cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu Q kháng cáo trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Hữu Q về việc không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn bà Vương Thị N và ông Nguyễn Văn P.

Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, tòa án đã tiến hành tống đạt cũng như niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Phạm Thị Nh nhưng bà Nh không đến tham gia tố tụng thì coi như từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của mình, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được các bên đương sự cung cấp.

Theo đó, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu Q (chồng của bà Phạm Thị Nh) đều thừa nhận vào ngày 19/5/2022, bà Phạm Thị Nh có vay của bà Vương Thị N và ông Nguyễn Văn P số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay, hai bên thoả thuận mức lãi suất là 3% và hẹn đến ngày 02/6/2022, bà Nh sẽ trả cho bà N và ông P tiền gốc và lãi trên. Việc vay tiền để sử dụng vào việc buôn bán trong gia đình, phục vụ cuộc sống cho vợ chồng ông Q và các con. Từ lúc vay đến nay, bà Nh chưa trả được khoản nào cho nguyên đơn. Đây là những tình tiết chứng cứ đã được các bên đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của BLTTDS. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Việc bà bà Nh là người trực tiếp ký vào giấy vay tiền thì chồng bà Nh là ông Lê Hữu Q cũng biết và đồng ý cùng bà Nh trả số tiền này cho ông P và bà N.

Về lãi suất, hai bên thoả thuận lãi 3%/tháng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà N, ông P chỉ yêu cầu ông Q bà Nh trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật là 1,66%/tháng là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, án sơ thẩm tuyên buộc bà Phạm Thị Nh và ông Lê Hữu Q phải trả cho bà Vương Thị N và ông Nguyễn Văn P số tiền nợ là 238.954.666, trong đó tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 38.954.666 đồng (tính theo mức lãi suất là 1,66%/tháng tạm tính từ ngày 20/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/5/2023) là đúng quy định pháp luật.

Ông Lê Hữu Q kháng cáo cho rằng ông và bà Phạm Thị Nh đã sống ly thân nên ông Q không có trách nhiệm trả nợ chung với bà Nh là không đúng theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Q là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu Q – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST, ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị Nh và ông Lê Hữu Q phải trả cho bà Vương Thị N và ông Nguyễn Văn P số tiền nợ là 238.954.666, trong đó tiền vay gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 38.954.666 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Nh và ông Lê Hữu Q phải chịu 11.947.733 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Vương Thị N và ông Nguyễn Văn P số tiền 5.600.000 đồng, tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0020403, ngày 01/12/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện EK.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hữu Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2022/0001114, ngày 20/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện EK;
- Chi cục THADS huyện EK;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Duy Thuấn

.